TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 10/10/2018;
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Nam;**

2/ Ông **Đặng Phước Lung;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐXX-ST ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Đỗ Kim A** – sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Anh Nguyễn Minh B - sinh năm: 1979***;***

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Kim A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh B cưới nhau vào năm 1998 do quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 20/4/2000. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm đến gia đình, thường xuyên ăn nhậu về đánh đập và chửi mắng chị và các con. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

- Về con chung: Có hai con chung, các cháu tên Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 2000 và Nguyễn Tường D, sinh năm 2008. Hiện tại, hai cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu anh B

cấp dưỡng nuôi con chung, cháu C đã trưởng thành lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đỗ Kim A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh B, giải quyết vấn đề con chung của anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh Nguyễn Minh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B không quan tâm đến gia đình; thường xuyên cờ bạc, ăn nhậu về đánh đập, chửi mắng chị và các con. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Đồng thời tại đơn xác nhận ngày 16/8/2018 của chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn đúng theo lời trình bày của chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Hiện tại cháu D đang sống ổn định với chị A nên yêu cầu nuôi con chung của chị A là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Chị A yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Kim A đối với anh Nguyễn Minh B.

- Về tình cảm: Chị Đỗ Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

- Về con chung:

+ Chị Đỗ Kim A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường D, sinh ngày 24/11/2008.

+ Anh Nguyễn Minh B có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2. Án phí: Chị Đỗ Kim A phải chịu 300.000 đồng (Ban trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014827 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy chị A đã thi hành xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chị Đỗ Kim A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Minh B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thơi hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N1t;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy